

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 14-3-2024.
“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình -
Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;

2. Ông Trần Văn Bé Hai;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị P**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Tuấn E**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tuấn E vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2023, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Trần Thị P** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Tuấn E qua thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau vào năm 2002, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Tuấn E thường xuyên uống rượu, chửi mắng, đánh đập vợ con. Chị P đã cố gắng khuyên nhưng anh Tuấn E không sửa đổi. Công an địa phương đã nhiều lần mời làm việc, nhắc

nhỏ nhưng anh Tuấn E cũng không sửa đổi. Chị P đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống hơn 02 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị Trần Thị P yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tuấn E.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Văn T2, sinh ngày 02/4/2003. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Tuấn E: Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, anh Tuấn E cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- Căn cước công dân tên Trần Thị P (Bản photo).

- Giấy khai sinh Nguyễn Văn T2, sinh ngày 02/4/2003 (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Trần Thị P có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Tuấn E. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn*”.

- Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn anh Tuấn E có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Xét thấy anh Nguyễn Văn Tuấn E đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, chị Trần Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh Tuấn E.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Tuấn E sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Mặc dù, việc sống chung của anh chị đều được hai bên thừa nhận nhưng không đăng ký kết

hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Do đó, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “...*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn Tuấn E.

- Về con chung: Chị P và anh Tuấn E có 01 con chung tên Nguyễn Văn T2, sinh ngày 02/4/2003. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị P trình bày về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; anh Tuấn E không có ý kiến về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị P trình bày vợ chồng không có nợ chung, anh Tuấn E không có ý kiến về nợ, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị P.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn Tuấn E.

- Về con chung: Chị P và anh Tuấn E có 01 con chung tên Nguyễn Văn T2, sinh ngày 02/4/2003. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004465 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, chị Trần Thị P đã nộp xong tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Tòa án Tỉnh;
- CCTHADS huyện Cao Lãnh;
- Lưu: HSA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên